

Số: 447 /TB-SXD

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Tháng 7 năm 2026)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quyết định công bố Hướng dẫn xác định khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 13/7/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng, giá nhân công xây dựng, giá ca máy, thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 1034/2026/CV-ĐTMN ngày 10/8/2026 của Liên danh MCUS-ETA về việc phát hành báo cáo kết quả khảo sát, tổng hợp thông tin giá vật liệu xây dựng tháng 7 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Trên cơ sở văn bản đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng của các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng gửi về Sở Xây dựng và kết quả khảo sát, thu thập thông tin giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tháng 7 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, với nội dung như sau:

1. Giá vật liệu xây dựng được công bố là mức giá bán (*chưa có thuế VAT*) được xác định trên cơ sở văn bản đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng của các đơn vị và kết quả khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng thực tế của đơn vị tư vấn tại các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; **mức giá bán** đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện bên mua tại nơi sản xuất hoặc nơi giao hàng **nhưng chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình** và chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh (*chi tiết theo Phụ lục gửi kèm*).

2. Giá vật liệu xây dựng được công bố để tham khảo xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chủ đầu tư, tổ chức tư vấn, các đơn vị khi xác định giá xây dựng công trình phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công và kế hoạch thực hiện cụ thể của công trình; có trách nhiệm lựa chọn giá vật liệu xây dựng trong xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình theo nguyên tắc lựa chọn giá phù hợp nhất trên cơ sở các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo quy định, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với những sản phẩm hoặc công việc do mình thực hiện.

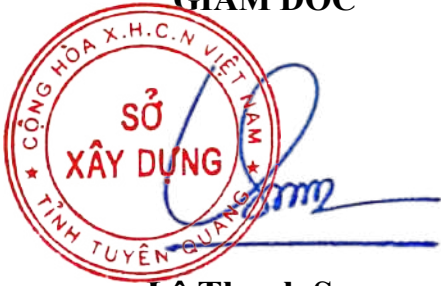
3. Các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng có trong bảng công bố giá vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng vật liệu xây dựng và thông tin cung cấp.

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh để các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng tham khảo áp dụng./.

Nơi nhận

- Bộ Xây dựng | (Báo cáo);
- UBND tỉnh
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Ban quản lý chuyên ngành, khu vực;
- UBND các xã, phường;
- Website Sở Xây dựng;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KTXD.(Long)

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Sơn



PHỤ LỤC
CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 7 NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG
(Kèm theo Thông báo số: 447/TB-SXD ngày 10 /8/2026 của Sở Xây dựng Tuyền Quang)

Đơn vị tính: đồng

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																											
											Khu vực các xã: Yên Sơn...	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thành...	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn...	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thung Nồng...	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ...	Xã Thanh Thủy	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình...	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Quang Bình	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xin Mần							
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]	[31]	[32]	[33]						
I	NHÓM THÉP XÂY DỰNG																																					
1	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn tròn trơn (Ø6-Ø8)mm CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.170							15.470																				
2	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn vằn (Ø8)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.170							15.470																				
3	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø9-Ø10)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.620							15.920																				
4	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.420							15.720																				
5	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø25)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.420							15.720																				
6	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø10)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.920							16.220																				
7	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.720							16.020																				
8	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø32)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.720							16.020																				
9	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn Ø10mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.020							16.320																				
10	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.820							16.120																				
11	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø32)mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.820							16.120																				
II	NHÓM GẠCH XÂY DỰNG																																					
1	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đĩnh đặc	viên	Loại A1	Kích thước: (20,5x9,3x5,3) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.528																											
2	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đĩnh đặc	viên	Loại A2	Kích thước: (20,5x9,3x5,3) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.417																											
3	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đĩnh rỗng	viên	Loại A1	Kích thước: (20,5x9,3x5,3) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.343																											

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																											
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận...	Khu vực các xã: Yên Sơn...	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh...	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn...	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông...	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quán Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đông Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ...	Xã Thanh Thủy	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình...	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Quang Bình	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần						
85	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																		254.545										
86	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			245.455									
87	Nhóm đá xây dựng	Đá mặt (Bột đá)	m3			HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			236.364									
88	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																		327.273										
89	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																			354.545									
90	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																			354.545									
91	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																			354.545									
92	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																			345.455									
93	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																			327.273									
94	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																			318.182									
95	Nhóm đá xây dựng	Đá mặt (Bột đá)	m3			HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																			263.636									
V	NHÓM XI MĂNG																																					
1	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 30 vò đứ	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Trảng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	1.000.000	1.000.000	926.000	963.000	963.000	963.000	963.000	1.009.000	1.009.000	1.009.000		1.009.000						1.009.000	1.009.000	1.009.000	1.009.000	1.009.000						

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																											
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận...	Khu vực các xã: Yên Sơn...	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh...	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn...	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông...	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đông Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ...	Xã Thanh Thủy	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình...	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Quang Bình	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần						
2	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 30 vò giấy	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tráng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	1.023.000	1.023.000	949.000	986.000	986.000	986.000	986.000	1.023.000	1.023.000	1.023.000								1.023.000	1.023.000	1.023.000	1.023.000	1.023.000						
3	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 40 vò đĩa	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tráng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	1.111.000	1.111.000	1.051.000	1.074.000	1.074.000	1.074.000	1.074.000	1.116.000	1.116.000	1.116.000								1.116.000	1.116.000	1.116.000	1.116.000	1.116.000						
4	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 40 vò giấy	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tráng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	1.148.000	1.148.000	1.074.000	1.111.000	1.111.000	1.111.000	1.111.000	1.139.000	1.139.000	1.139.000								1.139.000	1.139.000	1.139.000	1.139.000	1.139.000						
5	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang bột PCB 30	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tráng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	866.000	866.000	843.000	866.000	866.000	866.000	866.000	861.000	861.000	861.000								861.000			861.000	861.000						
6	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang bột PCB 40C	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tráng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	949.000	949.000	935.000	949.000	949.000	949.000	949.000	954.000	954.000	954.000								954.000			954.000	954.000						
7	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang bột PCB 40D	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tráng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	894.000	894.000	880.000	894.000	894.000	894.000	894.000	907.000	907.000	907.000								907.000			907.000	907.000						
VII	NHÓM SƠN																																					
1	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn mịn nội thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	489.000																											
2	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn mịn nội thất cao cấp	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.659.000																											
3	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn siêu trắng trần cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	580.000																											

[illegible]

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																											
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận...	Khu vực các xã: Yên Sơn...	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thành...	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn...	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thung Nùng...	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quán Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ...	Xã Thanh Thủy	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình...	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vinh Tuy	Khu vực Xã Quang Bình	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xin Mần						
44	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp	Kg	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000				
45	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất cao cấp	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000				
46	Nhóm sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000				
47	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất BLOCKING (KANTECH-KP 01)	Kg	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	22kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000				
48	Nhóm sơn	Sơn nội thất ECO - LIFE (KANTECH - KP 03)	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000				
49	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất ARMOR (KANTECH - KP 02)	Kg	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000				
50	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất PERFECT (KANTECH - KP 04)	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000				
51	Bột bả	Bột bả ngoại thất cao cấp KANTECH SPACE	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	25kg/bao	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				
52	Bột bả	Bột bả nội thất cao cấp KANTECH SPACE	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	25kg/bao	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000				
53	Nhóm sơn	Sơn chống thấm đa năng cao cấp KT-11A	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000				
54	Nhóm sơn	Sơn lót Đá cao cấp	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000				
55	Nhóm sơn	Sơn Đá kim cương đa sắc	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000				
56	Nhóm sơn	Sơn Đá Thạch anh hiệu ứng	Kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	Nhãn hiệu Kantech	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000	155.000				
XIV	NHÓM CỬA, VÁCH KÍNH NHÓM HỆ																																					
1	Cửa nhôm kính	Vách cố định hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhóm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Giống chèn hãng Đồng Á, Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Cụm CN Hà Mân - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000	1.982.000						

[illegible][illegible]

[illegible]